

Bản án số: 156/2026/DS-PT

Ngày 26-01-2026

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huỳnh

Các Thẩm phán: Ông Phan Trí Dũng

Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Huyền Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Trần Thị Phước – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 26 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Cơ sở B) xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 1150/2025/TLPT-DS ngày 10 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2025/DS-ST ngày 05/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7524/2025/QĐ-PT ngày 15/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 254/2026/QĐ-PT ngày 08/01/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trịnh Đăng T, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp C, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp: Ông Đậu Văn C, sinh năm 1988; địa chỉ: tổ G, ấp H, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh) (theo văn bản ủy quyền đề ngày 11 tháng 7 năm 2024); có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Việt Đ, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp D, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh); có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Việt Đ.

- Người kháng nghị: Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Đậu Văn C trình bày:

Ông T có cho ông Đ vay tiền 03 lần bằng hình thức chuyển khoản và 02 lần bằng hình thức giao tiền mặt. Tổng cộng ông T cho ông Đ vay 05 lần, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 09/01/2024, ông T cho ông Đ vay 50.000.000 đồng, không tính tiền lãi. Hai bên không thỏa thuận ngày trả nợ vay chỉ thỏa thuận khi nào ông T cần lấy lại số tiền nợ gốc thì ông T sẽ thông báo cho ông Đ biết trước một tháng. Hai bên có lập giấy vay tiền tại nhà của ông T. Sau khi ký giấy vay tiền, ông T đã giao đủ số tiền 50.000.000 đồng trực tiếp cho ông Đ tại nhà của ông T, không có người làm chứng.

- Lần 2: Ngày 09/01/2024, ông T cho ông Đ vay 50.000.000 đồng, không tính tiền lãi. Hai bên thỏa thuận miệng ngày trả nợ vay là khi nào ông T cần lấy lại số tiền nợ gốc thì ông T sẽ thông báo cho ông Đ biết trước một tháng. Hai bên không lập giấy vay tiền, do ông Đ gọi điện hỏi mượn thêm tiền, lúc đó đã chiều tối nên ông T chuyển tiền từ tài khoản của ông T có số 269000038331 tại Ngân hàng TMCP Đ1 qua số tài khoản ngân hàng của ông Đ. Ông T không nhớ rõ số tài khoản của ông Đ. Nội dung chuyển khoản cho ông Đ, ông T ghi “cho mượn”.

- Lần 3: Ngày 14/01/2024, ông T cho ông Đ vay 30.000.000 đồng, không tính tiền lãi. Hai bên thỏa thuận miệng ngày trả nợ vay là khi nào ông T cần lấy lại số tiền nợ gốc thì ông T sẽ thông báo cho ông Đ biết trước một tháng. Hai bên không lập giấy vay tiền, do ông Đ gọi điện hỏi mượn thêm tiền để làm ăn. Ông T không nhớ rõ chuyển tiền vào thời gian nào nhưng ông T đã chuyển tiền từ tài khoản của ông T có số 269000038331 tại Ngân hàng TMCP Đ1 qua số tài khoản ngân hàng của ông Đ. Ông T không nhớ rõ số tài khoản của ông Đ. Nội dung chuyển khoản cho ông Đ, ông T ghi “cho mượn”.

- Lần 4: Ngày 21/01/2024, ông T cho ông Đ vay 20.000.000 đồng, không tính tiền lãi. Hai bên không thỏa thuận ngày trả nợ vay chỉ thỏa thuận khi nào ông T cần lấy lại số tiền nợ gốc thì ông T sẽ thông báo cho ông Đ biết trước một tháng. Hai bên không lập giấy vay tiền, do ông Đ gọi điện hỏi mượn thêm tiền, lúc đó đã chiều tối nên ông T chuyển tiền từ tài khoản của ông T có số 269000038331 tại Ngân hàng TMCP Đ1 qua số tài khoản ngân hàng của ông Đ. Ông T không nhớ rõ số tài khoản của ông Đ. Nội dung chuyển khoản cho ông Đ, ông T ghi “cho mượn”.

- Lần 5: Ngày 23/01/2024, ông T cho ông Đ vay 100.000.000 đồng, mặc dù trong giấy vay tiền có thỏa thuận 20%/năm nhưng anh em nên không tính lãi. Hai bên thỏa thuận thời hạn vay là ba tháng. Hai bên có lập giấy vay tiền tại nhà của ông T. Sau khi ký giấy vay tiền, ông T đã giao đủ số tiền 100.000.000 đồng trực tiếp cho ông Đ tại nhà của ông T, không có người làm chứng.

Vì vậy ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Việt Đ phải trả cho ông T số tiền gốc là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) và số tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 23/4/2024 đến ngày 23/7/2024 (03 tháng) là $250.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 03 \text{ tháng} = 6.225.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền gốc và lãi mà ông Đ phải trả cho ông T là 256.225.000 đồng.

Theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Việt Đ trình bày:

- Lần 1: Ngày 10/01/2024, ông Đ vay của ông T số tiền 50.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận miệng với nhau tiền lãi là 5.000 đồng/ngày. Hai bên không thỏa thuận ngày trả nợ vay chỉ thỏa thuận khi nào ông T cần lấy lại số tiền nợ gốc thì ông T sẽ thông báo cho ông Đ biết trước một tháng. Hai bên có lập giấy vay tiền tại nhà của ông Đ vào ngày 09/01/2024. Ông Đ xác định ngay sau khi ông T viết giấy vay tiền thì ông Đ chưa nhận số tiền vay, đến ngày 10/01/2024 thì ông T mới chuyển tiền vào tài khoản của ông Đ. Trước khi ký tên tại giấy vay tiền, ông Đ có đọc lại nội dung nhưng vì chỗ anh em tin tưởng và hai bên thỏa thuận việc giao nhận số tiền vay là bằng hình thức chuyển tiền qua tài khoản nên ông Đ mới đồng ý lập giấy vay tiền.

- Lần 2: Ngày 15/01/2024, ông Đ vay của ông T số tiền 30.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận miệng với nhau tiền lãi là 5.000 đồng/ngày. Hai bên không thỏa thuận ngày trả nợ vay chỉ thỏa thuận khi nào ông T cần lấy lại số tiền nợ gốc thì ông T sẽ thông báo cho ông Đ biết trước một tháng. Việc vay mượn không lập văn bản. Ông T chuyển tiền vào tài khoản của ông Đ.

- Lần 3: Ngày 22/01/2024, ông Đ vay của ông T số tiền 20.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận miệng với nhau tiền lãi là 5.000 đồng/ngày. Hai bên không thỏa thuận ngày trả nợ vay chỉ thỏa thuận khi nào ông T cần lấy lại số tiền nợ gốc thì ông T sẽ thông báo cho ông Đ biết trước một tháng. Việc vay mượn không lập văn bản. Ông T chuyển tiền vào tài khoản của ông Đ.

Giấy vay tiền lần 1 ngày 09/01/2024 do ông T viết. Giấy vay tiền chỉ được lập một bản, do ông T giữ. Bởi vì, tổng số tiền ông Đ vay cả 3 lần là 100.000.000 đồng nên việc trả tiền lãi rất khó khăn nên ông Đ có đề nghị ông T lập một giấy vay tiền mới để tính ngày trả tiền lãi cho dễ dàng hơn thì ông T đồng ý nên giấy vay tiền ngày 23/01/2024 mới có. Giấy vay tiền này được lập tại nhà của ông T. Sau khi lập giấy vay tiền này, ông Đ có yêu cầu ông T hủy bỏ giấy vay tiền lần

đầu, ông T đồng ý nhưng ông Đ không biết rõ việc ông T có hủy không. Hiện nay, ông T đã lấy lại giấy vay tiền lần đầu để khởi kiện ông Đ. Quá trình thực hiện việc vay mượn tiền, ngày 29/01/2024, ông Đ có thanh toán cho ông T số tiền là 3.050.000 đồng. Đây là tiền lãi ông Đ thanh toán cho ông T. Thời gian sau này, ông Đ khó khăn nên không thể thanh toán tiếp tục cho ông T được. Ông Đ không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Đ chỉ vay của ông T số tiền là 100.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản. ông Đ không nhận tiền mặt từ ông T giao. Vì vậy, ông Đ chỉ đồng ý thanh toán cho ông T số tiền ông Đ đã vay là 100.000.000 đồng và số tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Buộc ông Nguyễn Việt Đ phải trả cho ông T số tiền gốc là 250.000.000 đồng và số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 24/4/2024 đến ngày 05/9/2025 là 250.000.000 đồng $\times$ 0,83%/tháng $\times$ 17 tháng 12 ngày = 36.105.000 đồng. Ông T đồng ý khấu trừ số tiền 3.050.000 đồng đã nhận từ ông Đ. Tổng số tiền gốc và lãi mà ông Đ phải trả cho ông T là 283.055.000 đồng.

Bị đơn giữ nguyên lời trình bày, chỉ đồng ý trả số tiền 100.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi chậm trả cho nguyên đơn.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2025/DS-ST ngày 05/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Đăng T đối với bị đơn ông Nguyễn Việt Đ.

Buộc ông Nguyễn Việt Đ trả cho ông Trịnh Đăng T số tiền là 283.055.000 đồng (hai trăm tám mươi ba triệu không trăm năm mươi lăm nghìn đồng), trong đó tiền gốc là 250.000.000 đồng và tiền lãi là 33.055.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/9/2025, bị đơn ông Nguyễn Việt Đ có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2025/DS-ST ngày 05/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn chỉ đồng ý trả số tiền 100.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/9/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-DS đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2025/DS-ST ngày 05/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách pháp lý của người tham gia tố tụng của Tòa án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định, những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo “Hợp đồng vay tiền” đề ngày 09/01/2024 thể hiện bên B (ông Nguyễn Việt Đ) đã nhận đủ số tiền mà bên A (ông Trịnh Đăng T) cho vay là 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, căn cứ nội dung bản sao kê tài khoản ngân hàng số “269000038331” của ông Trịnh Đăng T tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 thể hiện lúc 19 giờ 38 phút ngày 09/01/2024 ông T có chuyển số tiền 50.000.000 đồng, nội dung “Cho mượn” vào tài khoản của ông Nguyễn Việt Đ tại Ngân Hàng Thương mại cổ phần Á. Qua đó, xác định ông T và ông Đ cho vay mượn tiền 50.000.000 đồng qua hình thức chuyển khoản. Nguyên đơn ông T không chứng minh được đã giao tiền mặt số tiền 50.000.000 đồng cho bị đơn ông Đ, không có người làm chứng và bị đơn cũng không thừa nhận đã nhận số tiền 50.000.000 đồng bằng tiền mặt nên không có cơ sở xác định bị đơn vay số tiền 50.000.000 đồng tiền mặt vào ngày 09/1/2024.

Đối với “Giấy vay tiền” đề ngày 23/01/2024 ông Nguyễn Việt Đ cam kết đã nhận đủ số tiền vay là 100.000.000 đồng và coi đây là giấy biên nhận đã nhận đủ số tiền vay. Do đó, có cơ sở xác định ông Đ tiếp tục vay thêm số tiền 100.000.000 đồng của ông T ngày 23/01/2024 và nhận số tiền này trực tiếp từ ông T.

Về lãi phát sinh: nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả theo quy định pháp luật là 10%/năm kể từ ngày hết hạn thanh toán (ngày 24/4/2024) cho đến ngày xét xử sơ thẩm và đồng ý khấu trừ số tiền lãi đã nhận là 3.050.000 đồng. Như vậy, số tiền nợ gốc xác định là 200.000.000 đồng sau khi trừ 3.050.000 đồng nên cần tính lãi từ số tiền 196.950.000 đồng. Số tiền lãi chậm trả ông Đ phải trả cho ông T tính đến ngày xét xử (ngày 05/9/2025) sau khi khấu trừ 26.925.493 đồng.

Từ các phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền nợ và lãi chậm trả theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Đ và quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh là trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn ông Trịnh Đăng T và bị đơn ông Nguyễn Việt Đ khai thống nhất: ông Đ có vay tiền của ông T vào các ngày 09/01/2024 với số tiền 50.000.000 đồng; ngày 14/01/2024 với số tiền 30.000.000 đồng; ngày 21/01/2024 với số tiền 20.000.000 đồng. Tất cả các lần vay tiền đều không tính lãi. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Xét nội dung Hợp đồng vay tiền đề ngày 09/01/2024 thấy rằng đây là hợp đồng mẫu được đánh máy sẵn chỉ điền nội dung vào. Tại dòng phương thức chuyển thanh toán của hợp đồng này được đánh máy “tiền mặt”, các dòng kế tiếp được đánh máy và bỏ trống, không ghi nội dung, đã được nguyên đơn gạch chéo. Mặt khác, nguyên đơn cho rằng nguyên đơn đã giao tiền mặt trực tiếp cho bị đơn tại nhà của nguyên đơn nhưng bị đơn không đồng ý và không có người chứng kiến. Như vậy, nguyên đơn không có căn cứ chứng minh việc đã giao tiền mặt 50.000.000 đồng cho bị đơn vào ngày 09/01/2024. Cùng ngày vào lúc 19 giờ 38 phút, nguyên đơn có chuyển khoản cho bị đơn số tiền 50.000.000 đồng. Do đó, có căn cứ xác định ngày 09/01/2024, nguyên đơn cho ông Đ vay số tiền 50.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản.

[2.3] Đến ngày 14/01/2024 nguyên đơn chuyển khoản cho bị đơn vay số tiền 30.000.000 đồng; ngày 21/01/2024 nguyên đơn tiếp tục chuyển khoản cho bị đơn vay số tiền 20.000.000 đồng; ngày 23/01/2024 bị đơn ký tên, lăn tay trên giấy vay tiền 100.000.000 đồng có nội dung đã nhận đủ tiền vay. Bị đơn kháng cáo cho rằng không nhận số tiền 100.000.000 đồng ngày 23/01/2024 nhưng không đưa ra chứng cứ chứng minh. Do đó, có cơ sở xác định đến ngày 23/01/2024 bị đơn đã vay của nguyên đơn tổng số tiền 200.000.000 đồng nên bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền này.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số tiền gốc 250.000.000 đồng là chưa phù hợp, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Do đó có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2025/DS-ST ngày 05/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2.4] Về tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả theo quy định pháp luật là 10%/năm kể từ ngày hết hạn thanh toán (ngày 24/4/2024) cho đến khi thanh toán xong và đồng ý khấu trừ số tiền lãi đã nhận là 3.050.000 đồng. Do đó, số tiền lãi chậm trả ông Đ phải trả cho ông T tính đến ngày xét xử cấp sơ thẩm (ngày 05/9/2025) sau khi khấu trừ là 25.834.000 đồng ($200.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 17 \text{ tháng} 12 \text{ ngày} - 3.050.000 \text{ đồng}$).

[3] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện được Tòa án chấp nhận; nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện và tiền lãi không được Tòa án chấp nhận.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có cơ sở chấp nhận một phần.

[5] Án phí phúc thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Việt Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 144; Điều 147 khoản 2 Điều 148; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh và một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Việt Đ. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2025/DS-ST ngày 05/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Đăng T đối với bị đơn ông Nguyễn Việt Đ.

Buộc ông Nguyễn Việt Đ trả cho ông Trịnh Đăng T số tiền là 225.834.000 đồng (hai trăm hai mươi lăm triệu tám trăm ba mươi tư nghìn đồng), trong đó tiền gốc là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) và tiền lãi là 25.834.000 đồng (hai mươi lăm triệu tám trăm ba mươi tư nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng, bên còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Đăng T đối với bị đơn ông Nguyễn Việt Đ đối với số tiền vay 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và lãi chậm trả là 7.221.000 đồng (bảy triệu hai trăm hai mươi một nghìn đồng).

1.3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Nguyễn Việt Đ phải chịu số tiền 11.291.700 đồng (mười một triệu hai trăm chín mươi một nghìn bảy trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn ông Trịnh Đăng T phải chịu số tiền 2.861.050 đồng (hai triệu tám trăm sáu mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng 6.405.625 đồng (sáu triệu bốn trăm lẻ năm nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng) đã nộp theo Biên lai thu số 0003720 ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh). Thi hành án dân sự Thành phố H hoàn trả cho nguyên đơn ông Trịnh Đăng T1 số tiền 3.544.575 đồng (ba triệu năm trăm bốn mươi tư nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng).

2. Về án phí phúc thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Việt Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Thi hành án dân sự Thành phố H hoàn trả cho ông Đ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu số 0017049 ngày 12/9/2025.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 19 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân khu vực 19-Tp. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 19 - Tp. Hồ Chí Minh
- Lưu: Hồ sơ, Tổ Hành chính Tư pháp, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Huỳnh